Trung tâm Công báo và Tin học
ttcbth@quangngai.gov.vn
19.10.2018 14:40:10 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 236/BC-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 18 tháng 10 năm 2018*

TT CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI
ĐẾN Số: 9686
Ngày: 19/10/18
Chuyển:

BÁO CÁO
Công khai tình hình thực hiện ngân sách địa phương 9 tháng năm 2018

Thực hiện Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, UBND tỉnh công khai tình hình thực hiện ngân sách địa phương 9 tháng năm 2018, như sau:

1. Về thu ngân sách nhà nước (*chi tiết tại Mẫu số 59/CK-NSNN, Mẫu số 60/CK-NSNN*):

Ước thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn 9 tháng năm 2018 đạt 14.763 tỷ đồng, bằng 101% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 138% so với cùng kỳ năm 2017, trong đó:

a) Thu nội địa ước đạt 12.511 tỷ đồng, bằng 89% dự toán HĐND giao, bằng 125% so với cùng kỳ năm 2017.

Có 09 khoản thu đảm bảo tiến độ thu theo dự toán HĐND tỉnh giao:

- Thu từ doanh nghiệp nhà nước ước đạt 9.195 tỷ đồng, bằng 91% dự toán năm, bằng 126% so với cùng kỳ năm 2017.

- Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 266 tỷ đồng, bằng 86% dự toán năm, bằng 122% so với cùng kỳ năm 2017.

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh ước đạt 1.186 tỷ đồng, bằng 77% dự toán năm, bằng 123% so với cùng kỳ năm 2017.

- Thuế bảo vệ môi trường ước đạt 438 tỷ đồng, bằng 84% dự toán năm; thu phí, lệ phí ước đạt 99 tỷ đồng, bằng 94% dự toán năm; thu cấp quyền khai thác khoáng sản ước đạt 54,787 tỷ đồng, bằng 144% dự toán năm; lệ phí trước bạ 122 tỷ đồng, bằng 76% dự toán năm; thu từ hoạt động xổ số kiến thiết ước đạt 69 tỷ đồng, bằng 99% dự toán năm; thu khác ước đạt 347 tỷ đồng, bằng 257% dự toán năm.

Có 03 khoản thu chưa đảm bảo tiến độ thu theo dự toán HĐND tỉnh giao: Thu về nhà đất ước đạt 471 tỷ đồng, bằng 71% dự toán năm; thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản,...tại xã ước đạt 8 tỷ đồng, bằng 35% dự toán năm; thuế thu nhập cá nhân ước đạt 236 tỷ đồng, bằng 70% dự toán năm.

b) Thu hoạt động xuất nhập khẩu: Ước đạt 2.243 tỷ đồng, bằng 335% so dự toán năm và bằng 319% so với cùng kỳ năm 2017.

2. Về chi ngân sách địa phương (*chi tiết tại Mẫu số 59/CK-NSNN, Mẫu số 61/CK-NSNN*):

2.1. Ước chi cân đối ngân sách địa phương 9 tháng năm 2018 là 9.231 tỷ đồng, bằng 76% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 149% so với cùng kỳ năm 2017, trong đó:

a) Chi đầu tư phát triển: Ước đạt 4.185 tỷ đồng, bằng 141% so dự toán năm.

b) Chi thường xuyên: Ước đạt 5.045 tỷ đồng, bằng 63% so dự toán năm, trong đó:

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề ước đạt 1.864 tỷ đồng, bằng 63% dự toán năm.

- Chi đảm bảo xã hội ước đạt 578 tỷ đồng, bằng 109% dự toán năm.

- Các khoản chi đạt thấp như: Chi sự nghiệp môi trường ước đạt 77 tỷ đồng, bằng 45% dự toán năm; chi sự nghiệp khoa học và công nghệ ước đạt 11 tỷ đồng, bằng 30% dự toán năm; chi sự nghiệp y tế ước đạt 447 tỷ đồng, bằng 49% dự toán năm; chi sự nghiệp kinh tế ước đạt 398 tỷ đồng, bằng 31% dự toán năm.

c) Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 1,14 tỷ đồng.

2.2. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương cho ngân sách địa phương 1.029 tỷ đồng, bằng 58% dự toán năm; chủ yếu chi thực hiện các chương trình dự án quan trọng 668 tỷ đồng bằng 54% dự toán năm.

Nhìn chung, chi ngân sách 9 tháng năm 2018 được tổ chức quản lý theo đúng quy định cơ chế phân cấp hiện hành. Các ngành, các cấp đã triển khai tích cực, điều hành ngân sách bám sát dự toán được giao; tập trung thực hiện các chính sách cho con người, chính sách an sinh xã hội; đảm bảo cân đối nguồn để thực hiện các nhiệm vụ chi theo dự toán; đồng thời, bổ sung chi một số nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao./.

Nơi nhận:
- Bộ Tài chính (b/cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- Thanh tra tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- VPUB: CVP, CBTH;
- Lưu: VT, KT.dat618.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Trần Ngọc Căng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

Mẫu số 59/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG NĂM 2018

ĐVT: triệu đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2018	THỰC HIỆN 9 THÁNG	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	**TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**14.655.000**	**14.763.272**	**101%**	**137%**
I	**Thu cân đối NSNN**	**14.655.000**	**14.763.272**	**101%**	**138%**
1	Thu nội địa (không kể thu từ dầu thô)	13.985.000	12.511.162	89%	125%
2	Thu từ dầu thô		-		
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	670.000	2.243.481	335%	319%
4	Thu viện trợ		8.629		
II	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**				
B	**TỔNG CHI NSĐP**	**13.914.936**	**10.260.439**	**74%**	**147%**
I	**Chi cân đối NSĐP**	**12.125.632**	**9.231.406**	**76%**	**149%**
1	Chi đầu tư phát triển	2.973.200	4.185.230	141%	298%
2	Chi thường xuyên	7.970.082	5.044.969	63%	105%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	67	67	100%	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.140	1.140	100%	100%
5	Chi dự phòng ngân sách	240.888	-		
6	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	940.255	-		
II	**Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSĐP**	**1.789.304**	**1.029.033**	**58%**	**133%**
C	**BỘI CHI NSNN/BỘI THU NSĐP**				
D	**CHI TRẢ NỢ GỐC**	**73.750**	**73.750**	**100%**	

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

Mẫu số 60/CK-NSNN

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG NĂM 2018

ĐVT: triệu đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2018	THỰC HIỆN 9 THÁNG	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (I+II+III+IV)	**14.655.000**	**14.763.272**	**101%**	**138%**
I	**Thu nội địa**	**13.985.000**	**12.511.162**	**89%**	**125%**
1	Thu từ DNNN	10.081.000	9.195.279	91%	126%
2	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	310.000	265.817	86%	122%
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.540.000	1.186.383	77%	123%
4	Thuế thu nhập cá nhân	340.000	236.450	70%	101%
5	Thuế bảo vệ môi trường	520.000	437.963	84%	116%
6	Lệ phí trước bạ	160.000	122.128	76%	178%
7	Thu phí, lệ phí	105.000	98.839	94%	48%
8	Các khoản thu về nhà, đất	664.000	470.857	71%	111%
	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		*24*		17%
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	*4.600*	*4.714*	102%	128%
	Thu tiền sử dụng đất	*600.000*	*431.676*	72%	112%
	Thu cho thuê mặt đất, mặt nước	*59.400*	*34.045*	57%	112%
	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		*397*		16%
9	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	38.000	54.787	144%	161%
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của DNNN		18.467		
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	70.000	69.331	99%	144%
12	Thu từ quĩ đất công ích, hoa lợi công sản,...tại xã	22.000	7.679	35%	57%
13	Thu khác	135.000	347.182	257%	436%
II	**Thu từ dầu thô**				
III	**Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu**	**670.000**	**2.243.481**	**335%**	**319%**
1	Thuế giá trị gia tăng hàng hoá nhập khẩu	555.000	1.621.890	292%	271%
2	Thuế xuất khẩu	87.000	114.754	132%	146%
3	Thuế nhập khẩu	28.000	474.414	1694%	1769%
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu		39		1300%
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng nhập khẩu				0%
6	Thu khác		32.384		13664%
IV	**Thu viện trợ**		**8.629**		
B	**THU NSĐP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP**	**12.044.382**	**10.802.221**	**90%**	**134%**
1	Các khoản thu phân chia NSĐP hưởng theo tỷ lệ 88%	10.898.782	9.625.531	88%	137%
2	Các khoản thu NSĐP hưởng 100%	1.145.600	1.176.690	103%	117%

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

Mẫu số 61/CK-NSNN

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG NĂM 2018

ĐVT: triệu đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2018	THỰC HIỆN 9 THÁNG	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (A+B+C)	**13.914.936**	**10.260.439**	**74%**	**147%**
A	**Chi cân đối ngân sách địa phương**	**12.125.632**	**9.231.406**	**76%**	**149%**
I	Chi đầu tư phát triển	2.973.200	4.185.230	141%	298%
1	Chi đầu tư cho các dự án	2.943.200	4.155.230	141%	369%
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác	30.000	30.000	100%	
II	Chi thường xuyên	7.970.082	5.044.969	63%	105%
	Trong đó :				
1	Chi sự nghiệp Giáo dục-đào tạo-dạy nghề	2.952.097	1.863.946	63%	104%
2	Chi sự nghiệp Khoa học và công nghệ	35.646	10.701	30%	95%
3	Chi sự nghiệp Y tế, dân số và gia đình	913.800	446.737	49%	139%
4	Chi sự nghiệp Văn hóa-thể thao-du lịch	171.201	76.651	45%	131%
5	Chi sự nghiệp Phát thanh-truyền hình	40.256	29.386	73%	99%
6	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	172.979	77.069	45%	127%
7	Chi sự nghiệp kinh tế	1.300.328	398.478	31%	70%
8	Chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	1.560.543	1.260.883	81%	104%
9	Chi đảm bảo xã hội	529.214	578.447	109%	123%
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	67	67		
IV	Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính	1.140	1.140	100%	100%
V	Chi dự phòng ngân sách	240.888			
VI	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	940.255			
B	**Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSĐP**	**1.789.304**	**1.029.033**	**58%**	**133%**
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	478.669	297.625	62%	
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	1.226.524	668.325	54%	
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	84.111	63.083	75%	
C	**CHI TRẢ NỢ GỐC**	**73.750**	**73.750**	100%	